

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 02/2020/HC-GĐT

Ngày 17 tháng 02 năm 2020

V/v khiếu kiện quyết định thu hồi đất,
quyết định phê duyệt phương án bồi
thường, hỗ trợ, tái định cư và
quyết định cưỡng chế

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

17 thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Hòa Bình, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm chủ tọa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Ông Nguyễn Việt Hùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa.

Ngày 17/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định cưỡng chế*” giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Lê Phúc Th;

Cư trú tại: đường Nguyễn Văn C, quận LB, thành phố Hà Nội.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: phố VH, quận LB, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Hoàng Y, cán bộ Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận LB; ông Nguyễn Văn Đ, Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký nhà, đất quận LB.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đặng Xuân L;

- Chị Lê Thúy Ng;

Cùng trú tại: Số 123 Nguyễn Văn C, quận LB, thành phố Hà Nội.

- Bà Chu Thị M;

Cư trú tại: Tổ 17 phường N, quận LB, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 23/4/1990, ông Lê Phúc Th ký hợp đồng liên kết đồ gỗ với Hợp tác xã nông nghiệp A với nội dung: Hợp tác xã A giao quyền kinh doanh và địa điểm đường Nguyễn Văn C có chiều ngang là 4,5m, chiều sâu là 5m, tổng diện tích là 23m² cho ông Th để xây dựng lán trại làm việc, với giá thuê là 50.000 đồng/tháng.

Ngày 01/01/1991, ông Lê Phúc Th và Hợp tác xã A ký lại hợp đồng liên kết đồ gỗ với nội dung: Hợp tác xã tiếp tục giao quyền kinh doanh và địa điểm XX Nguyễn Văn C cho ông Th để xây dựng lán trại làm việc đồng thời quản lý mặt hàng. Thời hạn hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày ký, sau 6 tháng phải gia hạn hoặc làm lại hợp đồng để điều chỉnh cho phù hợp với giá cả thị trường.

Phía sau mảnh đất có diện tích 23m² mà ông Th thuê của Hợp tác xã là ao tù, vợ chồng ông Th đã san lấp khoảng 70m² và xây nhà cấp 4 trên mảnh đất này.

Ông Lê Phúc Th có kê khai và nộp thuế sử dụng đất đối với diện tích đất sử dụng là 79,5m² từ năm 1993 đến năm 2008.

Ngày 04/01/1993, Công an phường GL lập Biên bản kiểm tra số 95-CSTT/KT-XD về việc gia đình ông Th đã xây dựng nhà ở mà không có giấy phép xây dựng.

Ngày 27/9/2004, Ủy ban nhân dân quận LB ban hành Quyết định số 1314/QĐ-UB về việc giải thể Hợp tác xã Nông nghiệp A phường NL.

Ngày 21/12/2006, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ra Quyết định số 5688/QĐ-UBND về việc thu hồi đất trong đó có nội dung: “Thu hồi 164,9m² đất tại phường NL, do Ủy ban nhân dân phường quản lý...Giao diện tích đất thu hồi cho Ban Quản lý dự án quận LB để xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích xây dựng nhà ở theo quy định”.

Ngày 22/10/2007, Ủy ban nhân dân quận LB ban hành Quyết định số 2120/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, theo đó hộ ông Lê Phúc Th được bồi thường, hỗ trợ đất thu hồi lán chiếm là 2.345.000 đồng, được bồi thường, hỗ trợ công trình, vật kiến trúc là 20.096.500 đồng. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là 22.441.500 đồng.

Ngày 12/01/2009, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định số 162/QĐ-UBND về việc bán căn hộ số 10XX, diện tích 66,12m² tại Nhà chung cư cao tầng ngõ 67, phường ĐG, quận LB cho hộ ông Lê Phúc Th do phải di chuyển giải phóng mặt bằng để xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất.

Ngày 14/4/2009, Ủy ban nhân dân phường NL lập Biên bản vi phạm hành chính đối với hộ gia đình ông Lê Phúc Th về việc không nhận tiền bồi thường hỗ trợ và nhận nhà tái định cư.

Ngày 16/4/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận LB ra Quyết định số 939/QĐ-CTUBND về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Phúc Th về hành vi không chấp nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, nhận nhà tái định cư và bàn giao mặt bằng.

Ngày 26/6/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận LB ban hành Quyết định số 49/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Phúc Th.

Ngày 22/9/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận LB ban hành Quyết định số 71/QĐ-CTUBND thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 939/QĐ-CTUBND ngày 16/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận LB và Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 26/6/2009 của Ủy ban nhân dân quận LB.

Ngày 18/11/2009, Ủy ban nhân dân quận LB ban hành Quyết định số 4433/QĐ-UBND thu hồi 90m² đất do gia đình ông Lê Phúc Th đang sử dụng trái phép tại số nhà 123 đường Nguyễn Văn C, phường NL, quận LB để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 21/12/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 26/11/2009, Ủy ban nhân dân phường NL ra Thông báo số 259/TB-UB về việc niêm yết công khai và lấy ý kiến về dự thảo phương án hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Lê Phúc Th.

Ngày 22/12/2009, Ủy ban nhân dân quận LB ra Quyết định số 5298/QĐ-UBND phê duyệt phương án điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Lê Phúc Th đang sử dụng đất trái phép tại số nhà XX đường Nguyễn Văn C, phường NL để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đấu giá quyền sử dụng đất theo Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 21/12/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố. Theo đó, tổng diện tích đất thu hồi là 90m²; tổng số tiền gia đình ông Th được bồi thường hỗ trợ là 40.773.656 đồng; giao cho gia đình ông Th căn hộ chung cư cao tầng tại ngõ 67, đường ĐG, phường ĐG, quận LB (căn hộ số 10XX) diện tích 66,12m², số tiền gia đình ông Th phải nộp để mua căn hộ chung cư là 525.574.656 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 4433/QĐ-UBND ngày 18/11/2009 và Quyết định số 5298/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của Ủy ban nhân dân quận LB, ông Lê Phúc Th có đơn khiếu nại. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 154/QĐ-UBND ngày 15/01/2010 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1060/QĐ-UBND ngày 30/3/2010, Ủy ban nhân dân quận LB đã kết luận: Quyết định số 4433/QĐ-UBND về việc thu hồi 90m² đất do gia đình ông Th đang sử dụng trái phép tại số nhà 123 đường Nguyễn Văn C, phường NL, quận LB; Quyết định số 5298/QĐ-UBND về phê duyệt phương án điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Lê Phúc Th được ban hành đúng pháp luật, khiếu nại của ông Th là không có cơ sở, từ đó Ủy ban nhân dân quận LB giữ nguyên các quyết định này.

Ngày 20/01/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận LB ban hành Quyết định số 02/QĐ-CTUBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Lê Phúc Th. Ông Th có đơn khiếu nại. Ngày 30/3/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận LB có Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 07/QĐ-CTUBND với nội dung giữ nguyên toàn bộ Quyết định số 02/QĐ-CTUBND về cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất.

Ngày 18/01/2010, ông Lê Phúc Th có khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4433/QĐ-UBND ngày 18/11/2009 của Ủy ban nhân dân quận LB. Ngày

21/3/2010, ông Th có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5298/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của Ủy ban nhân dân quận LB và Quyết định số 02/QĐ-CTUBND ngày 20/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận LB.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2012/HCST ngày 20/12/2012, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phúc Th yêu cầu hủy Quyết định số 4433/QĐ-UBND ngày 18/11/2009 về việc thu hồi đất, Quyết định số 5298/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân quận LB và Quyết định số 02/QĐ-CTUBND ngày 20/01/2010 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận LB...

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/12/2012, ông Lê Phúc Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 114/2013/PTHC ngày 21/6/2013, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm như sau:

Xử: Hủy Quyết định số 4433/QĐ-UBND ngày 18/11/2009 về việc thu hồi đất, Quyết định số 5298/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân quận LB và Quyết định số 02/QĐ-CTUBND ngày 20/01/2010 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội...

Ngày 30/12/2013, Ủy ban nhân dân quận LB có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 114/2013/PTHC ngày 21/6/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

Ngày 28/3/2017, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1972/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung ghi tại Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 21/12/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, theo đó điều chỉnh giảm diện tích đất thu hồi, giao trên địa bàn phường NL từ 164,9m² thành 43,88m² (lý do điều chỉnh là thực hiện Bản án hành chính phúc thẩm số 114/2013/PTHC ngày 21/6/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và giảm diện tích do thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Cầu C - Cầu Đ (đường N), quận LB).

Ngày 14/12/2017, Ủy ban nhân dân quận LB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL302891 cho ông Lê Phúc Th, bà Đặng Xuân L tại địa chỉ số XX Nguyễn Văn C, phường NL, quận LB với diện tích 90m².

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2019/KN-HC ngày 17/01/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 114/2013/PTHC ngày 21/6/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên; giữ nguyên

Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2012/HCST ngày 20/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 28/6/2019, Ủy ban nhân dân quận LB có Công văn số 1132/UBND-TTPTQĐ gửi Tòa án nhân dân tối cao với nội dung: Ủy ban nhân dân quận LB giữ nguyên các nội dung trong đơn đề ngày 30/12/2013 gửi Tòa án nhân dân tối cao đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 114/2013/HCPT ngày 21/6/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội; Ủy ban nhân dân quận LB đồng ý với Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2019/KN-HC ngày 17/01/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên; Ủy ban nhân dân quận LB đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm 114/2013/HCPT ngày 21/6/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2012/HCST ngày 20/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại Văn bản số 03/PB-VKS-HC ngày 18/02/2019 và tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thực hiện Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 21/12/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thu hồi 164,9 m² đất tại phường NL và 1239,3 m² đất tại phường B, quận LB; giao cho Ban quản lý dự án quận LB để xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích xây dựng nhà ở, ngày 18/11/2009 Ủy ban nhân dân quận LB ban hành Quyết định số 4433/QĐ-UBND thu hồi 90 m² đất do gia đình ông Lê Phúc Th đang sử dụng trái phép tại số nhà XX đường Nguyễn Văn C, phường NL, quận LB để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất. Theo sổ mục kê của Ủy ban nhân dân phường NL thì Thửa đất số 123 có diện tích 344 m² và Thửa đất số 124 có diện tích 183 m² là của Hợp tác xã nông nghiệp A.

[2] Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 23/4/1990, ông Th ký Hợp đồng liên kết đồ gỗ với Hợp tác xã nông nghiệp A với nội dung gia đình ông Th thuê 23 m² đất của Hợp tác xã để dựng lán làm đồ gỗ (diện tích đất thuê này nằm tại địa chỉ 52C Nguyễn Văn C thuộc Thửa số 124, nay là XX Nguyễn Văn C). Hợp đồng được ký lại vào ngày 01/01/1991, thể hiện hợp đồng thuê đất giữa 2 bên thời hạn là 6 tháng, hết hạn sẽ ký tiếp. Mặc dù 2 bên không tiến hành ký lại hợp đồng nhưng ông Th vẫn trả tiền thuê đất, Hợp tác xã vẫn nhận tiền thuê đất đến hết tháng 7/1997, từ tháng 8/1997 ông Th không trả tiền thuê đất với lý do ông đã nộp thuế sử dụng đất cho Nhà nước.

[3] Gia đình ông Th đã san lấp thêm khoảng 67m² đất phía sau diện tích đất đã thuê rồi xây dựng nhà trên đó. Ngày 04/01/1993, Công an phường GL đã lập Biên bản kiểm tra việc sử dụng đất và xây dựng, sửa chữa công trình số 95/CSTT/KT-XD thể hiện việc gia đình ông Th đã xây dựng nhà trên đất lấn chiếm.

[4] Trong quá trình ông Th thuê đất, đã nhiều lần Hợp tác xã A có ý kiến về việc muốn lấy lại đất đã cho ông Th thuê nhưng ông Th không trả, thể hiện ở đơn của Ban quản lý Hợp tác xã A gửi Ủy ban nhân dân thị trấn GL ngày 06/01/1993, đơn ngày 09/12/1994, Biên bản ngày 18/6/1999 của Hợp tác xã A đề nghị không cho ông Th thuê đất nữa, đề nghị ông Th hoàn trả lại mặt bằng cho Hợp tác xã A quản lý, đơn của bà Lưu Thị H, đại diện Hợp tác xã A gửi Chánh án Tòa án nhân dân huyện GL, Biên bản kiểm tra ngày 18/6/1999. Do đó, việc Tòa án cấp phúc thẩm nhận định rằng “*Gia đình ông Th đã sử dụng liên tục, thường xuyên diện tích đất trên từ năm 1991-1992 cho đến nay, không có việc tranh chấp quyền sử dụng đất này giữa ông Th với các hộ xung quanh*” và dẫn chiếu khoản 1 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ để giải thích về quy định “sử dụng đất ổn định” theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 là không đúng.

[5] Tại Công văn số 146/CV-TNMT ngày 01/9/2006 của Phòng Tài nguyên và Môi trường gửi Ủy ban nhân dân quận LB có nội dung: “Vị trí khu đất: XX+YY Nguyễn Văn C, phường NL, quận LB. Nguồn gốc đất: Trước đây do Hợp tác xã Nông nghiệp quản lý, nay Hợp tác xã đã giải thể. Toàn bộ diện tích nhà, đất này bàn giao cho Ủy ban nhân dân phường quản lý. Hiện trạng sử dụng: Hiện đang cho thuê nhưng đã thanh lý hợp đồng”. Như vậy, Công văn này đã không phản ánh đúng hiện trạng sử dụng đất đối với mảnh đất tại XX Nguyễn Văn C. Tuy nhiên, 23 m² đất gia đình ông Th thuê và 67 m² đất gia đình ông Th lần chiếm đều là đất của Hợp tác xã A. Năm 2004, Hợp tác xã A giải thể, theo Quyết định số 1314/QĐ-UB ngày 27/9/2004 thì toàn bộ đất đai của Hợp tác xã A được bàn giao cho Ủy ban nhân dân phường NL quản lý. Như vậy, Quyết định 5688/QĐ-UBND ngày 21/12/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xác định đây là đất do Ủy ban nhân dân phường quản lý là đúng. Việc Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thu hồi đất do phường quản lý là không trái pháp luật. Quyết định số 4433/QĐ-UBND ngày 18/11/2009 của Ủy ban nhân dân quận LB về việc thu hồi 90 m² đất do gia đình ông Th đang sử dụng trái phép tại số nhà XX đường Nguyễn Văn C, phường NL, quận LB là đúng quy định tại khoản 6 Điều 38 Luật đất đai năm 2003.

[6] Sau khi có Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 21/12/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thu hồi đất, Ủy ban nhân dân quận LB đã ra Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 06/4/2007 về việc thành lập Tổ công tác phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Tổ công tác đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về việc tổ chức họp dân; phát tờ khai cho các hộ dân bị thu hồi đất trong đó có gia đình ông Th; điều tra nhân khẩu; điều tra tình trạng sử dụng đất; kiểm đếm tài sản, công trình trên đất; thông báo công khai phương án hỗ trợ hoa màu, vật kiến trúc.

[7] Ngày 22/10/2007, Ủy ban nhân dân quận LB ban hành Quyết định số 2120/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, theo đó hộ gia đình ông Th được hỗ trợ 22.441.500 đồng. Ngày 12/01/2009, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ra Quyết định số 162/QĐ-UBND về việc bán căn hộ số 10XX, diện tích 66,12 m² tại Nhà chung cư cao tầng tại ngõ 67, phường ĐG, quận LB cho hộ gia đình ông Th do phải di chuyển giải phóng mặt bằng. Ngày 22/12/2009, Ủy ban nhân dân quận LB ra Quyết định số

5298/QĐ-UBND phê duyệt phương án điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Th, theo đó hộ gia đình ông Th được nhận tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là 40.773.656 đồng; được giao căn hộ số 10XX, diện tích 66,12 m² tại Nhà chung cư cao tầng tại ngõ 67, phường ĐG, quận LB với số tiền phải nộp để mua nhà là 525.574.656 đồng. Như vậy, Ủy ban nhân dân quận LB ban hành Quyết định số 5298/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[8] Sau khi Quyết định số 5298/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của Ủy ban nhân dân quận LB được ban hành, ngày 22/12/2009, Ủy ban nhân dân quận LB đã ban hành Thông báo số 478/TB-UBND thông báo đến hộ gia đình ông Th về thời gian, địa điểm để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án. Ngày 25/12/2009, Ban quản lý dự án và Ủy ban nhân dân phường NL đã lập biên bản về việc ông Th không đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng. Tại Biên bản ngày 16/01/2010 thể hiện Ủy ban nhân dân phường NL đã cử tổ công tác đến vận động gia đình ông Th thực hiện các Quyết định của Ủy ban nhân dân quận nhưng ông Th không chấp hành. Ngày 20/01/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận LB ra Quyết định số 02/QĐ-CTUBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định thu hồi đất đối với gia đình ông Th là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật đất đai năm 2003.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Th đề nghị hủy các quyết định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định cưỡng chế thu hồi đất là có cơ sở. Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy Quyết định số 4433/QĐ-UBND ngày 18/11/2009 về việc thu hồi đất, Quyết định số 5298/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân quận LB và Quyết định số 02/QĐ-CTUBND ngày 20/01/2010 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội là không đúng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 271, khoản 2 Điều 272, Điều 273 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/2019/KN-HC ngày 17/01/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 114/2013/HCPT ngày 21/6/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 114/2013/HCPT ngày 21/6/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2012/HC-ST ngày 20/12/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Án phí: Ông Lê Phúc Th phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm và 200.000 đồng án phí phúc thẩm. Hoàn trả 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho Ủy ban nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội.

Nơi nhận:

- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Vụ 10- VKSND tối cao;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Vụ Pháp chế và QLKH TANDTC;
- Lưu: HSVA, THS, VP, Vụ GDKT III (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**

Nguyễn Hòa Bình